

# MỘT SỐ RỦI RO PHÁP LÝ TỪ QUY ĐỊNH CHO PHÉP DOANH NGHIỆP CÓ NHIỀU NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

*LÊ THẢO NGUYỄN\**

*Ngày nhận bài: 31/07/2020*

*Ngày phản biện: 20/08/2020*

*Ngày đăng bài: 30/09/2020*

## **Tóm tắt:**

Luật Doanh nghiệp năm 2014 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014, thay thế Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã đem đến những cải cách mạnh mẽ, sâu rộng và thông thoáng hơn cho doanh nghiệp. Trong đó, quy định về người đại diện theo pháp luật doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp mới có những thay đổi theo hướng tích cực, đặc biệt là việc cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật đã tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc tiến hành các hoạt động kinh doanh và tiệm cận hơn với các chuẩn mực của quốc tế. Tuy nhiên, trong quá trình áp dụng vào thực tế, các quy định trên đã nảy sinh những hạn chế, bất cập dẫn và một số rủi ro pháp lý cần phải được hoàn thiện. Bài báo làm rõ thực trạng pháp luật và đề xuất một số giải pháp hoàn thiện quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trong Luật Doanh nghiệp năm 2014.

## **Từ khoá:**

Doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, rủi ro pháp lý.

## **Abstract:**

The Enterprise Law 2014, which was passed by the National Assembly on November 26, 2014 and replaced the Enterprise Law 2005, has brought about stronger and deeper reforms for businesses. In particular, the provisions on the legal representatives of the enterprises have been changed in a positive direction, especially allowing business with multiple legal representatives, has created favorable conditions for them to conduct business activities and get closer to international standards. However, its practical application shows some legal risks for the parties involved in the transaction. Therefore, the article analyzes these situations and makes some suggestions in order to complete the provisions of the enterprise's legal representative in the Law on Enterprises 2014.

## **Keywords:**

Enterprise, legal representative of the enterprise, legal risk.

---

\* Giảng viên trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: nguyentl@hul.edu.vn

## 1. Khái quát về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

### 1.1. Khái niệm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Ở một số nước trên thế giới, khái niệm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được quy định không giống nhau. Chẳng hạn, Luật Doanh nghiệp của Úc quy định: “*Đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân do doanh nghiệp chỉ định để thực hiện tất cả hoặc bất kỳ quyền hạn nào mà doanh nghiệp có thể thực hiện*”<sup>1</sup>. Trong khi đó, pháp luật Nhật Bản tiếp cận người đại diện theo pháp luật thông qua chức năng quản lý, đó là: “*Người quản lý có quyền thực hiện bất kỳ và tất cả các hành vi pháp lý và phi tư pháp nhân danh công ty liên quan đến hoạt động kinh doanh của mình*”<sup>2</sup>. Riêng đối với Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn của Đức không đưa ra khái niệm một cách rõ ràng, mà theo hướng khẳng định: “*Công ty sẽ do các Giám đốc làm đại diện. Nếu một công ty không có Giám đốc, công ty sẽ được đại diện bởi các cổ đông bất cứ khi nào có tuyên bố ý định hoặc các tài liệu được cung cấp trên đó*”<sup>3</sup>. Như vậy, có thể hiểu một cách đơn giản là quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong các công ty trách nhiệm hữu hạn ở Đức được thể hiện thông qua quyền và nghĩa vụ của Giám đốc và các cổ đông (nếu công ty không có giám đốc).

Thông qua việc khảo sát quy định về người đại diện theo pháp luật của một số nước trên thế giới, chúng ta có thể khẳng định thuật ngữ “người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp” mang những nội dung khác nhau, tùy thuộc vào pháp luật của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, nhìn chung thì pháp luật của các nước vẫn có điểm giao thoa nhau về khái niệm người đại diện theo pháp luật, đó là người được doanh nghiệp chỉ định để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn nhân danh doanh nghiệp.

Ở Việt Nam, theo pháp luật hiện hành, khái niệm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp được quy định cụ thể trong Bộ luật Dân sự năm 2015 và Luật Doanh nghiệp năm 2014.

Trước hết, khoản 1 Điều 137 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*người đại diện theo pháp luật của pháp nhân bao gồm:*

- a) *Người được pháp nhân chỉ định theo điều lệ;*
- b) *Người có thẩm quyền đại diện theo quy định của pháp luật;*
- c) *Người do Tòa án chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.”*

<sup>1</sup> Điều 250D Luật Doanh nghiệp Úc năm 2001,

[http://www.austlii.edu.au/au/legis/cth/consol\\_act/ca2001172/s250d.html](http://www.austlii.edu.au/au/legis/cth/consol_act/ca2001172/s250d.html)

<sup>2</sup> Điều 11.1 Luật Công ty Nhật Bản năm 2005,

<http://www.japaneselawtranslation.go.jp/law/detail/?id=2035&vm=04&re=02>

<sup>3</sup> Điều 35.2 Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn Đức năm 2016,

[http://www.gesetze-im-internet.de/englisch\\_gmbhg/englisch\\_gmbhg.html](http://www.gesetze-im-internet.de/englisch_gmbhg/englisch_gmbhg.html)

Bên cạnh đó, nếu như trước đây Luật Doanh nghiệp năm 2005 không đưa ra khái niệm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, mà quy định về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chỉ nằm rải rác ở các điều luật quy định về cơ cấu tổ chức, quản lý của các loại hình doanh nghiệp thì đến Luật Doanh nghiệp 2014 đã thể hiện bước tiến khi có một điều khoản dành riêng để quy định về người đại diện theo pháp luật. Theo đó, khoản 1 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: “*Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp là cá nhân đại diện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.*”. Qua đây, có thể thấy Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã đưa ra một định nghĩa khá đầy đủ và thống nhất về người đại diện theo pháp luật dựa trên vai trò, chức năng của người đại diện theo pháp luật trong doanh nghiệp.

Như vậy, “người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp” là khái niệm dùng để chỉ cá nhân đóng vai trò là đại diện cho doanh nghiệp tham gia xác lập các giao dịch, thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh đối với doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các hoạt động của doanh nghiệp; là đại diện của doanh nghiệp để tham gia tố tụng trước Tòa án, Trọng tài với tư cách là nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bên cạnh đó, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp cũng là người thay mặt doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

## ***1.2. Số lượng người đại diện theo pháp luật của một doanh nghiệp***

Trước đây, theo quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2005, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp có thể là Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với công ty cổ phần (CTCP), Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty đối với công ty trách nhiệm hữu hạn (công ty TNHH) hoặc có thể là hoặc Giám đốc, Tổng giám đốc trong công ty TNHH, CTCP. Như vậy, Luật Doanh nghiệp năm 2005 chỉ cho phép công ty TNHH, CTCP có một người đại diện theo pháp luật và nếu người đại diện theo pháp luật này vắng mặt quá 30 ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại điều lệ công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật theo quy định tại các Điều 46, 49, 67 và 95.

Thực tế áp dụng cho thấy quy định doanh nghiệp chỉ có người đại diện theo pháp luật của Luật Doanh nghiệp năm 2005 đã dẫn tới tình trạng, khi người đại diện theo pháp luật vắng mặt ở Việt Nam nhưng không thực hiện ủy quyền hợp lệ hay khi người đại diện theo pháp luật bị tạm giữ,... thì toàn bộ các giao dịch sẽ có thể bị trì hoãn giao kết.

Từ thực tế đó, khoản 2 Điều 13, Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã điều chỉnh rằng: *“Công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp”*.

Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 137 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Một pháp nhân có thể có nhiều người đại diện theo pháp luật và mỗi người đại diện có quyền đại diện cho pháp nhân theo quy định tại Điều 140 và Điều 141 của Bộ luật này.”*

Như vậy, người đại diện theo pháp luật trong công ty TNHH và CTCP hiện nay có thể có hơn một người so với quy định cũ. Quy định này nhằm hướng tới việc tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp, cho phép doanh nghiệp toàn quyền quyết định số lượng người đại diện theo pháp luật cho mình trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của doanh nghiệp, đại diện cho doanh nghiệp với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, khoản 3 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014 cũng quy định, doanh nghiệp phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp doanh nghiệp chỉ có một người đại diện theo pháp luật thì người đó phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

Như vậy, pháp luật hiện hành không quy định số lượng tối đa người đại diện theo pháp luật nhưng quy định doanh nghiệp (bao gồm công ty TNHH và CTCP) phải đảm bảo tối thiểu 1 người đại diện theo pháp luật.

## **2. Một số rủi ro pháp lý từ quy định cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật**

Mặc dù quy định mới của Luật Doanh nghiệp năm 2014 đã giải quyết được vướng mắc của Luật Doanh nghiệp năm 2005, tuy nhiên quy định cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật cũng tạo ra một số vấn đề và rủi ro pháp lý cho các bên trong quá trình giao dịch.

### **2.1. Rủi ro cho các bên tham gia giao dịch**

Một trong những vấn đề cần chú trọng trong trường hợp công ty có nhiều người đại diện theo pháp luật chính là sự phân công thẩm quyền đại diện giữa những người đại diện theo pháp luật này. Theo khoản 2 Điều 179 Luật Doanh nghiệp năm 2014, đối với công ty

hợp danh, “trong điều hành hoạt động kinh doanh của công ty, thành viên hợp danh phân công nhau đảm nhiệm các chức danh quản lý và kiểm soát công ty”. Trong khi đó, đối với công ty TNHH và CTCP, khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp năm 2014 quy định: “Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, chức danh quản lý và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp” nên khi doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật thì mỗi người sẽ có thẩm quyền giao kết giao dịch khác nhau. Bên cạnh đó, căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 141 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì người đại diện chỉ được xác lập, thực hiện giao dịch dân sự trong phạm vi đại diện theo Điều lệ của pháp nhân.

Quy định trên dẫn đến khó khăn cho một bên trong việc xác định thẩm quyền người đại diện theo pháp luật của bên kia mà mình đang giao dịch. Mặc dù Điều lệ là văn bản ghi nhận rõ nhất các chức danh quản lý, cũng như quyền và nghĩa vụ của từng người đại diện theo pháp luật, nhưng đây cũng chỉ là văn bản mang tính nội bộ và không phải là nội dung bắt buộc phải thông báo công khai<sup>4</sup>. Ngoài ra, hiện nay thông tin về doanh nghiệp đăng trên Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia còn khá ít. Trường hợp công ty có nhiều người đại diện theo pháp luật, thông tin được đăng chỉ có tên của người đại diện, mà không chi tiết cụ thể về thẩm quyền, chức vụ của từng người dẫn đến việc bên thứ ba khó có thể kiểm chứng và xác định được tư cách đại diện của người đại diện theo pháp luật. Hơn thế nữa, điều này còn có thể gây ra những thiệt hại nhất định cho một trong hai bên bởi lẽ giao dịch sẽ không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với một bên khi giao dịch đó được xác lập bởi người không có quyền đại diện, chỉ trừ một số trường hợp theo quy định tại Điều 142, 143 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mặt khác, khoản 1 Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

*“Giao dịch dân sự do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ đối với người được đại diện, trừ một trong các trường hợp sau đây:*

- a) Người được đại diện đã công nhận giao dịch;*
- b) Người được đại diện biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý;*
- c) Người được đại diện có lỗi dẫn đến việc người đã giao dịch không biết hoặc không thể biết về việc người đã xác lập, thực hiện giao dịch dân sự với mình không có quyền đại diện”.*

Như vậy, doanh nghiệp sẽ phải chịu trách nhiệm về giao dịch do người không có quyền đại diện xác lập, thực hiện nếu doanh nghiệp đó: công nhận giao dịch; hoặc biết mà không phản đối trong một thời hạn hợp lý; hoặc có lỗi dẫn đến việc bên đối tác không biết hoặc không thể biết về việc người đã xác lập, thực hiện giao dịch với mình không có

---

<sup>4</sup> Khoản 1 Điều 33 LDN 2014.

quyền đại diện. Do đó, có thể thấy bên cạnh việc gây rủi ro cho một trong hai bên, quy định cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật của Luật Doanh nghiệp năm 2014 cũng có thể gây rủi ro cho chính doanh nghiệp trong việc phải chịu trách nhiệm với doanh nghiệp đối tác khi mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tiến hành ký kết không đúng thẩm quyền, hoặc vượt quá phạm vi thẩm quyền của họ.

Từ đây, vấn đề được đặt ra là về trách nhiệm của các chủ thể tham gia giao dịch. Cụ thể, liệu một bên có phải thông báo cho bên kia biết về phạm vi thẩm quyền đại diện của người đại diện theo pháp luật hoặc phải công bố điều lệ của mình, hay một bên phải có nghĩa vụ chủ động tìm hiểu điều lệ công ty của bên kia để xác định rõ thẩm quyền của người đại diện của bên mà mình đang giao dịch nhằm tránh rủi ro cho chính mình hay không.

## ***2.2. Rủi ro trong trường hợp giao dịch với người không còn là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp***

Trong doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật, việc phân công quyền và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật được xác lập và ghi nhận trong Điều lệ của công ty. Trong một số trường hợp, người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã bị bãi nhiệm, tuy nhiên, họ vẫn xác lập các giao dịch đại diện nhân danh doanh nghiệp trong thời gian doanh nghiệp đang làm thủ tục đăng ký lại người đại diện với cơ quan đăng ký kinh doanh. Mặt khác, tại thời điểm đó, những người đại diện theo pháp luật còn lại trong doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ công ty lại không có thẩm quyền ký kết các giao dịch trên. Trong trường hợp này, đối tác ký kết hợp đồng cũng rất khó để biết được thẩm quyền đại diện theo pháp luật của người ký kết hợp đồng với mình đã bị bãi nhiệm. Khi đó, các giao dịch nhân danh doanh nghiệp do người đại diện theo pháp luật đã bị bãi nhiệm thực hiện với các chủ thể khác sẽ khó để chứng minh ý nghĩa và hiệu lực pháp lý đối với doanh nghiệp.

Hơn nữa, một người thứ ba hợp lý rất khó có thể suy đoán rằng người đại diện theo pháp luật của công ty đã không còn tư cách đại diện nếu như không có những thông tin hay dấu hiệu nhất định nào đó. Trên thực tế thường xuyên xảy ra trường hợp người thứ ba và công ty có mối quan hệ làm ăn lâu dài, giữa người thứ ba và công ty đã có hàng loạt các giao dịch, hợp đồng trước đó mà người đại diện theo pháp luật nhân danh công ty xác lập, thực hiện, thay đổi, chấm dứt với người thứ ba. Tuy nhiên, đến giao dịch cuối cùng thì người thứ ba bị bất ngờ khi công ty tuyên bố giao dịch này vô hiệu vì người đại diện công ty xác lập giao dịch không còn có tư cách đại diện tại thời điểm giao dịch cuối cùng này được xác lập. Trong trường hợp trên, có thể thấy nếu đây là những đối tác lần đầu tiên xác lập giao dịch với nhau thì việc người thứ ba kiểm tra tư cách đại diện của người nhân danh doanh nghiệp xác lập giao dịch đó là cần thiết. Thế nhưng, đối với quan hệ làm ăn

lâu dài, người thứ ba thường sẽ không có lý do hay dấu hiệu gì để nghi ngờ tư cách đại diện theo pháp luật với người đã và đang giao dịch với mình từ trước đến nay. Chính vì vậy, việc tuyên bố giao dịch vô hiệu trong trường hợp này tỏ ra không thực sự công bằng với người thứ ba.

### ***2.3. Rủi ro trong trường hợp có sự bất đồng giữa các đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp***

Đối với những doanh nghiệp có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật, việc xảy ra mâu thuẫn, bất đồng giữa những người đại diện theo pháp luật là điều khó tránh khỏi trong quá trình hoạt động kinh doanh. Điều này đã dẫn đến việc nhiều doanh nghiệp trên thực tế gặp phải những vướng mắc và lúng túng trong quá trình áp dụng khi xảy ra tình trạng trên. Cụ thể, trên thực tế thường xảy ra tình trạng một người đại diện theo pháp luật ký văn bản với nội dung A, gửi cho các bên có liên quan và cả cơ quan quản lý, tuy nhiên sau đó người đại diện theo pháp luật khác của doanh nghiệp gửi một văn bản với nội dung hoàn toàn trái ngược. Như vậy, có thể thấy trong trường hợp trên các bên sẽ khó xác định được văn bản nào mới có giá trị pháp lý. Với việc tồn tại song song từ 2 người đại diện theo pháp luật trở lên, sẽ là vướng mắc rất lớn cho doanh nghiệp nếu xảy ra tình trạng mâu thuẫn giữa các nhóm cổ đông, các người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp<sup>5</sup>.

Mặc dù, khoản 4 Điều 141 Bộ luật dân sự năm 2015 có quy định “*người đại diện phải thông báo cho bên thứ ba biết về phạm vi đại diện của mình*”, nhưng trong trường hợp người đại diện cố tình không thông báo thì lại không có chế tài để ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp đối với giao dịch trong trường hợp này. Như vậy, có thể thấy trong nhiều trường hợp trên thực tế bên thứ ba không biết rõ về việc liệu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp trong giao dịch có xác lập, thực hiện vượt quá thẩm quyền hoặc không có thẩm quyền đại diện hay không. Điều này dẫn đến việc quyền lợi của bên thứ ba sẽ bị ảnh hưởng khi xác lập giao dịch với doanh nghiệp. Cho nên, theo tác giả, nếu không có cơ chế để bên thứ ba tiếp cận Điều lệ hay các văn bản nội bộ khác của doanh nghiệp thì nên áp dụng tương tự như quy định tại khoản 1 Điều 179 Luật Doanh nghiệp năm 2014, đó là: “*Mọi hạn chế đối với thành viên hợp danh trong thực hiện công việc kinh doanh hằng ngày của công ty chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế đó*”.

Cách tiếp cận này không quá mới, bởi không chỉ có quy định trên mà trong Điều 11.3 Luật Công ty Nhật Bản năm 2005 cũng đã quy định: “*Có thể khẳng định quyền đại diện đầy đủ của người đại diện đối với người thứ ba mà họ không biết về những hạn chế đó*”<sup>6</sup>.

---

<sup>5</sup> Bùi Suồng, *Nhiều người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*, <http://tinnhanhchungkhoan.vn/phap-luat/nhieu-nguoi-dai-dien-theo-phap-luat-can-song-van-vuong-155815.html> [Truy cập ngày 20/05/2020]

<sup>6</sup> Điều 11.3 Luật Công ty Nhật Bản năm 2005,

<http://www.japaneselawtranslation.go.jp/law/detail/?id=2035&vm=04&re=02>

Pháp luật của Anh còn có quy định cụ thể hơn vì lợi ích của bên thứ ba giao dịch với công ty một cách ngay tình, quyền hạn của các giám đốc (người đại diện) nhân danh công ty (hoặc ủy quyền lại cho người khác hành động nhân danh công ty) không chịu bất cứ giới hạn nào theo các văn bản nội bộ của công ty<sup>7</sup>. Pháp luật của Úc còn cho phép người thứ ba ngay tình có quyền suy đoán (statutory assumptions)<sup>8</sup> về “thẩm quyền đương nhiên” (apparent authority) hoặc thẩm quyền mặc định (implied actual authority) của một đại diện công ty khi thực hiện các giao dịch với người đại diện<sup>9</sup>. Nghĩa là, về nguyên tắc, hợp đồng do người đại diện ký vượt quá phạm vi thẩm quyền đại diện (defective contracts) vẫn có hiệu lực, trừ khi công ty (người được đại diện) có thể chứng minh rằng người thứ ba không ngay tình. Nói cách khác, một bên giao dịch với công ty không có nghĩa vụ phải tìm hiểu việc giới hạn thẩm quyền của người đại diện và được coi là ngay tình, trừ khi công ty có thể chứng minh được điều ngược lại<sup>10</sup>. Trên thực tế, dù pháp luật không quy định cụ thể nhưng trong rất nhiều bản án, Tòa án đã theo hướng người đại diện theo pháp luật không có trách nhiệm đối với các giao dịch của doanh nghiệp mà họ đã xác lập một cách hợp lệ và khi có tranh chấp xảy ra thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong tranh chấp đó<sup>11</sup>.

### 3. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Một là, đối với trường hợp có nhiều người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, thì quyền hạn và nghĩa vụ của những người này được quy định trong Điều lệ của doanh nghiệp. Cho nên, nếu bên thứ ba không xem xét kỹ Điều lệ của doanh nghiệp trước khi xác lập giao dịch, thì có thể giao dịch với người không có thẩm quyền đại diện hoặc khi thông tin về việc phân công trách nhiệm chỉ giới hạn trong nội bộ doanh nghiệp<sup>12</sup>. Bên cạnh đó, nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cũng không ghi nhận phạm vi

<sup>7</sup> Điều 40 Luật Công ty Anh năm 2006,

<http://www.legislation.gov.uk/ukpga/2006/46/section/323>

<sup>8</sup> Luật công ty Úc đã đưa nguyên tắc “việc trong nhà” (indoor management rule) và quyền suy đoán dựa trên luật pháp (statutory assumptions) vào Điều 128 và Điều 129 Luật Công ty năm 2001.

<sup>9</sup> Quách Thúy Quỳnh - Nguyễn Thị Vân Anh (2016), *Lại chuyện hợp đồng vô hiệu do vi phạm thẩm quyền*, <https://www.thesaigontimes.vn/148793/Lai-chuyen-hop-dong-vo-hieu-do-vi-pham-tham-quyen.html> [Truy cập ngày 20/05/2020]

<sup>10</sup> Tim Sewell (2011), *Companies vol. 10(1) - Directors and other officers, shareholders, shares and share capital*, Lexis Nexis, para. 76.

<sup>11</sup> Đỗ Văn Đại (2017), *Luật Hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án*, tập 1, Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, tr.289.

<sup>12</sup> Nguyễn Thị Tình (2014), *Một số ý kiến về quy định “người đại diện theo pháp luật” và “con dấu” trong Dự thảo Luật Doanh nghiệp*, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, <https://dangkykinhdoanh.gov.vn/NewsandUpdates/tabid/91/ArticleID/886/language/vi-vn/Default.aspx> [Truy cập ngày 20/05/2020]



được đại diện<sup>13</sup> và các thông tin về chức danh quản lý, quyền hạn, nghĩa vụ của từng người đại diện chỉ được thể hiện trong Điều lệ công ty, tuy nhiên Điều lệ công ty không phải là nội dung phải được thông báo công khai<sup>14</sup>.

Vì vậy, theo tác giả nên có quy định theo hướng: *“Mọi quy định hạn chế về việc phân công thẩm quyền giữa những người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó biết hoặc phải biết về hạn chế đó”*. Quy định này sẽ tạo cho doanh nghiệp chủ động hơn trong việc công bố thông tin về người đại diện theo pháp luật với bên thứ ba, từ đó hạn chế được những rủi ro do những giao dịch vô hiệu mang lại và đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 179 Luật Doanh nghiệp năm 2014<sup>15</sup>.

Ngoài ra, trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật, thì thẩm quyền của từng người đại diện theo pháp luật phải được thông báo chi tiết với cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn được xác định cụ thể kể từ ngày doanh nghiệp có quyết định cử người đại diện theo pháp luật. Nội dung này được cơ quan nhà nước công khai công bố theo hồ sơ đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp trên Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Thực tế, hiện nay thông tin về doanh nghiệp đăng trên Cổng thông tin Đăng ký doanh nghiệp quốc gia còn khá ít. Trường hợp công ty có nhiều người đại diện theo pháp luật thông tin được đăng chỉ có tên của người đại diện, mà không chi tiết cụ thể về thẩm quyền, chức vụ của từng người.

Hai là, đối với những trường hợp bãi nhiệm người đại diện theo pháp luật, khi bên thứ ba xác lập giao dịch với người đã không còn là người đại diện theo pháp luật cho doanh nghiệp nữa và người đại diện theo pháp luật còn lại trong doanh nghiệp không có thẩm quyền ký kết giao dịch nói trên. Trong trường hợp này, nếu giao dịch đó có phần bất lợi cho doanh nghiệp, doanh nghiệp có thể sẽ đề nghị tuyên bố giao dịch này vô hiệu nên sẽ dẫn đến rủi ro quá lớn cho bên thứ ba.

Do vậy, theo tác giả cần có quy định: *“Trong doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật, nếu có người đại diện theo pháp luật bị chấm dứt tư cách đại diện, thì người đại diện theo pháp luật còn lại phải thực hiện việc công bố thông tin đó”*. Bên cạnh đó, để đảm bảo việc công bố thông tin được kịp thời thì trước hết cần phải công bố ngay trên Cổng thông tin điện tử của doanh nghiệp sau khi quyết định về việc chấm dứt tư cách của người đại diện theo pháp luật.

Trong trường hợp doanh nghiệp không công bố thông tin, thì có thể coi bên thứ ba là ngay tình, lỗi sẽ thuộc về doanh nghiệp và giao dịch này có hiệu lực đối với các bên theo

---

<sup>13</sup> Khoản 3 Điều 29 LDN 2014.

<sup>14</sup> Khoản 1 Điều 33 LDN 2014.

<sup>15</sup> Khoản 1 Điều 179 LDN 2014 quy định: *“Mọi hạn chế đối với TVHD, trong thực hiện công việc kinh doanh hằng ngày của công ty chỉ có hiệu lực đối với bên thứ ba khi người đó được biết về hạn chế đó”*.

quy định tại điểm c khoản 1 Điều 142 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hơn thế nữa, án lệ cần thừa nhận một nguyên tắc trước hoặc tại thời điểm xác lập giao dịch với người thứ ba, nếu doanh nghiệp không tuyên bố bằng văn bản cho người thứ ba rằng người đại diện theo pháp luật nhân danh doanh nghiệp xác lập giao dịch với bên thứ ba không có thẩm quyền đối với giao dịch này, thì bên thứ ba được quyền mặc nhiên suy đoán là người đại diện theo pháp luật này có thẩm quyền và giao dịch này có hiệu lực đối với doanh nghiệp và bên thứ ba.

*Ba là*, đối với trường hợp trong cùng một doanh nghiệp, khi một người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã ra một quyết định, nhưng sau đó do quyết định đó gây bất lợi cho doanh nghiệp nên người đại diện theo pháp luật khác lại ra một quyết định phủ định lại quyết định này. Điều này không những làm ảnh hưởng đến uy tín của doanh nghiệp, mà còn mất niềm tin của bên thứ ba.

Vì vậy, để tránh tình trạng này, cần có quy định trong Luật Doanh nghiệp theo hướng: *“Khi người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã ra một quyết định đối với bên thứ ba mà quyết định này đã được ban hành đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, nội dung theo quy định của pháp luật và đã được công bố chính thức với bên thứ ba, thì có giá trị pháp lý đối với các bên, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác”*.

#### 4. Kết luận

Quy định cho phép doanh nghiệp có nhiều người đại diện theo pháp luật đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong việc tiến hành các hoạt động kinh doanh. Tuy nhiên, bên cạnh đó quy định trên vẫn tạo ra một số rủi ro pháp lý, đặc biệt là ở vấn đề trách nhiệm của doanh nghiệp và người đại diện theo pháp luật trong các giao dịch xác lập với bên thứ ba, dẫn đến thiệt hại có thể xảy ra cho các bên tham gia giao dịch. Chính vì vậy, các giải pháp hoàn thiện để khắc phục thực trạng hiện tại là hết sức cần thiết nhằm xây dựng một môi trường pháp lý an toàn, đảm bảo các quyền tự do kinh doanh, tự do ý chí của công dân.

#### DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật Doanh nghiệp Úc năm 2001,  
[http://www.austlii.edu.au/au/legis/cth/consol\\_act/ca2001172/s250d.html](http://www.austlii.edu.au/au/legis/cth/consol_act/ca2001172/s250d.html)
2. Luật Công ty Nhật Bản năm 2005,  
<http://www.japaneselawtranslation.go.jp/law/detail/?id=2035&vm=04&re=02>
3. Luật Công ty trách nhiệm hữu hạn Đức năm 2016,  
[http://www.gesetze-im-internet.de/englisch\\_gmbhg/englisch\\_gmbhg.html](http://www.gesetze-im-internet.de/englisch_gmbhg/englisch_gmbhg.html)

4. Luật Công ty Anh năm 2006,  
<http://www.legislation.gov.uk/ukpga/2006/46/section/323>
5. Đỗ Văn Đại (2017), *Luật Hợp đồng Việt Nam - Bản án và bình luận bản án*, tập 1, Nxb Hồng Đức - Hội Luật gia Việt Nam, tr.289.
6. Quách Thúy Quỳnh - Nguyễn Thị Vân Anh (2016), *Lại chuyện hợp đồng vô hiệu do vi phạm thẩm quyền*, <https://www.thesaigontimes.vn/148793/Lai-chuyen-hop-dong-vo-hieu-do-vi-pham-tham-quyen.html>. Truy cập ngày 20/05/2020.
7. Bùi Sương, *Nhiều người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp*, <http://tin nhanhchungkhoan.vn/phap-luat/nhieu-nguoi-dai-dien-theo-phap-luat-can-song-van-vuong-155815.html>. Truy cập ngày 20/05/2020.
8. Tim Sewell (2011), *Companies vol. 10(1) - Directors and other officers, shareholders, shares and share capital*, Lexis Nexis, para. 76.
9. Nguyễn Thị Tình (2014), *Một số ý kiến về quy định “người đại diện theo pháp luật” và “con dấu” trong Dự thảo Luật Doanh nghiệp*, Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.